



ALU DOOR®

GERMAN TECHNOLOGY

Cửa gỗ vượt thời gian



2023

**BẢNG GIÁ
CỬA GỖ**

Vẻ đẹp tự nhiên của gỗ cùng phong cách thiết kế Châu Âu hiện đại giúp cửa gỗ Aludoor trở thành điểm nhấn sang trọng và thẩm mỹ cho mỗi công trình

HÙNG GIA # HÙNG PHÚC # HÙNG THỊNH # HÙNG VƯỢNG # BẢO AN GIA

**THẾ GIỚI CỬA GỖ CHUYÊN NGHIỆP VÀ
CHẤT LƯỢNG CAO**

ALU DOOR mang tới cho bạn một thế giới cửa gỗ đa dạng về kiểu dáng mẫu mã đáp ứng mọi nhu cầu về cửa bên trong cho mỗi công trình. Bạn sẽ hoàn toàn thỏa mãn với vẻ đẹp của gỗ và độ bền vượt thời gian mà cửa gỗ Aludoor mang lại.



ALU DOOR®
GERMAN TECHNOLOGY

SỰ LỰA CHỌN TỐT NHẤT CỦA BẠN

CƠ CẤU SẢN PHẨM



AWD-HƯNG GIA

| Cửa gỗ chịu nước |



HGA 901



HGA 902



HGA 903

AWD-HƯNG PHÚC

| Cửa gỗ tự nhiên |



HGP A7



HGP A8



HGP A9



SẢN PHẨM MỚI



AWD-HƯNG THỊNH

| Cửa gỗ Veneer |



HGT S6



HGT S7



HGT S8



HGT S9



AWD-HƯNG VƯỢNG

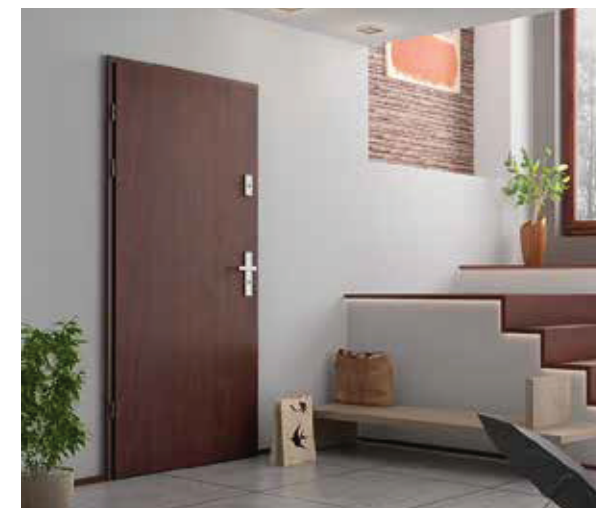
| Cửa gỗ Laminate |



HGV 100



HGV 200



AWD-BẢO AN GIA

| Cửa gỗ chống cháy |



BAG 89



BAG 36

HGA 901

I TẤM PHẪNG HIỆN ĐẠI & SANG TRỌNG I

AWD-HÙNG GIA

CỬA GỖ CHỊU NƯỚC

* Đơn giá khuôn cửa AWD-HÙNG GIA bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 151.000 VND/md



AWD-HG901A

Mã	HGA901-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,250,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,302,000



AWD-HG901A

Mã	HGA901-2
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,310,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,356,000



AWD-HG901B

Mã	HGB901-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,356,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,374,000



AWD-HG901B

Mã	HGB901-2
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,407,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,419,000



AWD-HG901B

Mã	HGB901-3
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,468,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,473,000



HGA 902

| CHỈ TRANG TRÍ NGHỆ THUẬT |

AWD-HÙNG GIA

CỬA GỖ CHỊU NƯỚC

* Đơn giá khuôn cửa AWD-HÙNG GIA bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 151.000 vnd/md

HGA 902

| CHỈ TRANG TRÍ NGHỆ THUẬT |

AWD-HÙNG GIA

CỬA GỖ CHỊU NƯỚC

Đơn giá khuôn cửa AWD-HÙNG GIA bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 151.000 vnd/md



AWD-HG902A	
Mã	HGA902-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,315,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,360,000



AWD-HG902A	
Mã	HGA902-2
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,315,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,360,000



AWD-HG902A	
Mã	HGA902-3
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,315,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,360,000



AWD-HG902B	
Mã	HGB902-2
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,420,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,509,000



AWD-HG902B	
Mã	HGB902-3
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,488,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,571,000



AWD-HG902B	
Mã	HGB902-4
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,558,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,607,000



AWD-HG902A	
Mã	HGA902-4
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,315,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,360,000



AWD-HG902A	
Mã	HGA902-5
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,350,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,392,000



AWD-HG902B	
Mã	HGB902-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,372,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,464,000



AWD-HG902C	
Mã	HGC902-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,450,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,482,000



AWD-HG902D	
Mã	HGD902-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,470,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,500,000

HGA 903

| KHẮC HÌNH ĐA DẠNG |

AWD-HÙNG GIA

CỬA GỖ CHỊU NƯỚC

* Đơn giá khuôn cửa AWD-HÙNG GIA bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 151.000 vnd/md.



AWD-HG903A

Mã	HGA903-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,380,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,419,000



AWD-HG903B

Mã	HGB903-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,440,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,473,000



AWD-HG903B

Mã	HGB903-2
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,440,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,473,000



AWD-HG903B

Mã	HGB903-3
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,440,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,473,000



AWD-HG903C

Mã	HGC903-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,580,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,599,000

HGA 903

| KHẮC HÌNH ĐA DẠNG |

AWD-HÙNG GIA

CỬA GỖ CHỊU NƯỚC

* Đơn giá khuôn cửa AWD-HÙNG GIA bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 151.000 vnd/md.



AWD-HG903D

Mã	HGD903-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,570,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,590,000



AWD-HG903D

Mã	HGD903-2
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,600,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,616,000



AWD-HG903D

Mã	HGD903-3
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,640,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	309,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	63,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,652,000



HGP A7

| PHONG CÁCH CỔ ĐIỂN CHÂU ÂU |

AWD-HƯNG PHÚC

CỬA GỖ TỰ NHIÊN

* Đơn giá khuôn cửa AWD HUNG PHÚC bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 310.000 VNĐ/md.



AWD-HPA7A

Mã	HPAA7-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	3,010,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	640,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	109,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	4,938,000



AWD-HPA7B

Mã	HPBA7-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	3,170,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	640,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	109,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	5,077,000



AWD-HPA7B

Mã	HPBA7-2
Đơn giá cánh (đ/m ²)	3,120,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	640,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	109,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	5,033,394



AWD-HPA7B

Mã	HPBA7-3
Đơn giá cánh (đ/m ²)	3,120,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	640,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	109,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	5,033,394



AGP A8

I PHONG CÁCH HIỆN ĐẠI I

AWD-HƯNG PHÚC

CỬA GỖ TỰ NHIÊN

* Đơn giá khuôn cửa AWD HƯNG PHÚC bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 310.000 VNĐ/md.



AWD-HPA8A

Mã	HPAA8-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	2,750,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	640,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	109,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	4,712,000



AWD-HPA8B

Mã	HPBA8-1
Đơn giá cánh (đ/m ²)	2,850,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	640,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	109,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	4,799,000



AWD-HƯNG THỊNH

CỬA GỖ VENEER

* Đơn giá khuôn cửa AWD HƯNG THỊNH bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 230.000 VND/md.



HGT S6	
Mã	HGA01
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,440,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,527,000



HGT S7	
Mã	HGB01
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,570,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,640,000



HGT S7	
Mã	HGB02
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,550,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,623,000



HGT S8	
Mã	HGC01
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,510,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,588,000



HGT S8	
Mã	HGC02
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,450,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,536,000



HGT S8	
Mã	HGC03
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,450,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,536,000



HGT S8	
Mã	HGC04
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,440,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,527,000



HGT S8	
Mã	HGC05
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,580,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,649,000



HGT S8	
Mã	HGC06
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,510,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,588,000



HGT S8	
Mã	HGC07
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,440,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,527,000



HGT S9	
Mã	HGD01
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,590,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,657,000



HGT S9	
Mã	HGD02
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,510,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,588,000

AWD-HƯNG THỊNH

CỬA GỖ VENEER

AWD-HƯNG VƯỢNG CỬA GỖ LAMINATE

* Đơn giá khuôn cửa AWD HUNG VƯỢNG bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 220.000 VNĐ/md.



HGV 101	
Mã	HGV 101
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,530,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,605,000



HGV 200	
Mã	HGV 201
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,675,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,731,000



HGV 202	
Mã	HGV202
Đơn giá cánh (đ/m ²)	1,600,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	320,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	75,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	2,666,000

FIRE RATE CỬA CHỐNG CHÁY

AWD-BẢO AN GIA CỬA GỖ CHỐNG CHÁY

* Đơn giá khuôn cửa AWD-BẢO AN GIA bên dưới là giá dành cho loại khuôn đơn. Trong trường hợp chọn khuôn kép, giá này cộng thêm 230.000 VNĐ/md.



BAG 89	
Mã	BAG01
Đơn giá cánh (đ/m ²)	2,090,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	390,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	90,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	3,363,000



BAG 36	
Mã	BAG02
Đơn giá cánh (đ/m ²)	2,050,000
Đơn giá khuôn (đ/md)	390,000
Đơn giá nẹp (đ/md)	90,000
M ² TB/bộ (chưa PK)	3,363,000



* Ghi chú:

- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10% và phụ kiện kim khí như bản lề, khóa... (Vui lòng xem tại Bảng giá Phụ kiện).
- Giá trên bảng giá chỉ sử dụng cho các bộ cửa với ô chờ có Chiều Rộng từ 800 đến 1000 mm và có Chiều Cao từ 2000 đến 2400 mm.
- Các bộ cửa có kích thước không nằm trong khoảng kích thước trên và các Bộ cửa có mẫu mã thiết kế riêng hoặc khác so với thông thường như Bộ Cửa 2 cánh, Bộ Cửa oFIX, Bộ cửa trượt ... sẽ được báo giá riêng.
- Cửa được bảo hành từ 12 đến 36 tháng tùy loại, chi tiết theo quy định về bảo hành của ALUDOOR.
- Sử dụng đúng tên gọi, mã sản phẩm, mã màu sắc (theo Catalogue) khi giao dịch hoặc đặt hàng.





















































Quy cách tính tiền: Tính chi tiết theo ô chờ

Cánh cửa = (H ô chờ - 45mm) x (W ô chờ - 75mm) nhân với đơn giá m2 cánh cửa áp dụng cho dòng AWD HUNG GIA, các loại cửa còn lại tính H ô chờ - 50mm và W ô chờ - 100mm

Khuôn cửa = ((H ô chờ x 2) + W ô chờ) nhân với đơn giá md khuôn

Nẹp khuôn cửa = (((H ô chờ + 60) x 4) + ((W ô chờ + 120) x 2))) nhân với đơn giá md nẹp khuôn cửa

KHÓA























Classic							
	 KG108 EUROLÖCK 1.650.000	 KG109 EUROLÖCK 720.000	 KG213 EUROLÖCK 5.680.000				
Modern							
	 KG.H1 EUROLÖCK 730.000	 KG203 EUROLÖCK 549.000	 KG204 EUROLÖCK 685.000	 KG210 EUROLÖCK 1.018.000	 KG211 EUROLÖCK 829.000	 KG212 EUROLÖCK 495.000	
Divide							
	 KPT.H1 EUROLÖCK 595.000	 KPT.H2 EUROLÖCK 605.000	 KPT.H3 EUROLÖCK 650.000				
							
	 KPT03 EUROLÖCK 1.067.000	 KPT04 EUROLÖCK 1.077.000	 KPT13 EUROLÖCK 768.000	 KPT10 EUROLÖCK 680.000	 KPT11 EUROLÖCK 680.000	 KPT12 EUROLÖCK 4.650.000	
	Knop						
 KIT.H1 EUROLÖCK 340.000		 KIT04 EUROLÖCK 409.000	 KIT05 EUROLÖCK 238.000	 KIT07 EUROLÖCK 287.000			
Digital							
	 R7-PRO EUROLÖCK 6.000.000	 Eurolock S9 EUROLÖCK 9.000.000	 S6500F 12.000.000	 S7100F 16.000.000			

LỰA CHỌN VỀ RUỘT KHOÁ và LƯU Ý KHI ĐẶT HÀNG: Ruột khoá 2 đầu chia sử dụng cho cửa ra vào (thêm mã đuôi .1), ruột khoá 1 đầu khe mở và 1 đầu xoay dùng cho cửa vệ sinh (thêm mã đuôi .2), ruột khoá 1 đầu chia 1 đầu xoay dùng cho cửa thông phòng (thêm mã đuôi .3)

PHỤ KIỆN & LỰA CHỌN THÊM

BẢN LỀ					
	 BMC.H1 EUROLÖCK 49.000	 BMC.01 EUROLÖCK 32.000	 BMC.02 EUROLÖCK 35.000	 BLA.02 EUROLÖCK 47.000	 BLA.03 EUROLÖCK 65.000
CLEMON					
	 OCL01 EUROLÖCK 125.000	 OCL02 EUROLÖCK 140.000			

LỰA CHỌN KHÁC

CHỐT AN TOÀN			CHỐT CHẶN		
	 OCA02 EUROLÖCK 107.000			 OCC01 EUROLÖCK 78.000	 OCC02 EUROLÖCK 79.000
MẮT THẦN			CHỐT ÂM		
	 OMT04 EUROLÖCK 166.000	 OMT03 EUROLÖCK 88.000		 OCC03 EUROLÖCK 90.000	 OCC04 EUROLÖCK 92.000
TAY THỦY LỰC			CHỐT ÂM		
	 OTL01 EUROLÖCK 678.000	 OTL02 EUROLÖCK 617.000		 OCL03 EUROLÖCK 181.000	 OCL06 Hampered EUROLÖCK 88.000

* Ghi chú:

- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%
- Sử dụng đúng tên gọi, mã sản phẩm, màu sắc khi giao dịch hoặc đặt hàng
- Các yêu cầu về mẫu mã, kiểu dáng hoặc loại khác vui lòng liên hệ trực tiếp với Phòng kinh doanh Công ty
- Thời gian bảo hành các sản phẩm theo tiêu chuẩn của các hãng sản xuất



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALUDOOR

Khu công nghiệp phố nổi B, Xã Liêu Xá, Huyện yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0973.477.598

Email: sale@aludoor.vn

Tổng đài CSKH: 0973.477.598

